

VỀ PHONG CÁCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN Y ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

• THS. VÕ THÀNH NHÂN, GS. TRƯƠNG ĐÌNH KIỆT

Đặt vấn đề

Tri thức nhân loại hiện nay rất rộng, lượng kiến thức cần để hành nghề rất lớn, và những kiến thức này liên tục thay đổi nhanh chóng^[10]. Các trường đại học không thể trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức để có thể sử dụng lâu dài, đáp ứng nhu cầu của xã hội và yêu cầu nghề nghiệp. Do đó, việc dạy cho sinh viên biết cách tự học, cách suy nghĩ, ra quyết định, khả năng định hướng và duy trì việc học một cách độc lập và lâu dài là một trong những quan tâm chính hiện nay. Một xu hướng giáo dục đang được quan tâm hiện nay là khơi dậy và nuôi dưỡng lòng ham học hỏi của sinh viên, hơn là nhồi nhét một lượng kiến thức lớn^[10,12,13].

Trong đào tạo cán bộ y tế, chúng ta thường muốn sinh viên phải học một lượng thông tin lớn, nhưng có lẽ khả năng tổ chức và xử lý thông tin như thế để đi đến một chẩn đoán còn quan trọng hơn là tiếp nhận thông tin^[10]. Các trường y thường chú trọng nhiều đến xây dựng nội dung chương trình, tổ chức giảng dạy và thi, nhưng ít chú ý đến tác động của chương trình học, phương pháp dạy và cách thi ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động học tập của sinh viên. Trong khi đó, hoạt động học tập có vai trò quyết định số lượng và chất lượng kết quả học tập mà sinh viên sẽ đạt được^[7]. Vì vậy, hiểu rõ cách sinh viên học tập giúp nhà trường xem xét lại nội dung chương trình, phương pháp dạy, cách lượng giá để giúp sinh viên học tập đạt kết quả tốt nhất^[4,8,9].

Phong cách học tập là toàn bộ hoạt động học tập, định hướng học tập và quan niệm học tập của sinh viên trong một giai đoạn nào đó. Nó là kết quả tương tác giữa bản thân sinh viên với hoàn cảnh và môi trường học tập^[9,12,13]. Hiện tại, có nhiều định nghĩa phong cách học tập vì mỗi nhà nghiên cứu tập trung vào những khía cạnh khác nhau của việc học. Entwistle và Ramsden (1983), Marton (1984), Biggs (1987)^[5] chú ý đến quá trình nhận thức và động cơ học tập. Schmeck (1988) phân tích sự tương quan giữa chiến lược học tập và phong cách học tập. Van Rossum và Schenk (1984) quan tâm đến

mối quan hệ giữa quan niệm học tập và chiến lược học tập, trong khi Vanzile-Tamsen và Livingston (1999) tập trung vào tác động của tự lập kế hoạch học tập và động cơ học tập^[5]. Vermunt (1994)^[11] cố gắng tích hợp 4 thành phần: quá trình nhận thức, lập kế hoạch học tập, định hướng học tập và quan niệm học tập để xây dựng mô hình phong cách học tập khá toàn diện và ít trùng lặp. Dựa trên mô hình này, Vermunt đã xác định 4 phong cách học tập của sinh viên đại học là học để hiểu ý nghĩa, học để ứng dụng, học để vượt qua các kì thi, và học không có định hướng. Sinh viên học để hiểu ý nghĩa (học sâu) thường liên hệ, cấu trúc và phê bình các thông tin nhận được, tự lập kế hoạch học tập (ngoài việc học theo chương trình giảng dạy, sinh viên còn xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, tự quản lí việc học của mình, đọc thêm tài liệu tham khảo, v.v...), xây dựng kiến thức cho bản thân, và rất yêu thích việc học của mình. Sinh viên học để ứng dụng thường cố gắng cụ thể hoá lí thuyết thành thực tiễn, tìm cách ứng dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế; học để làm được công việc, để có tay nghề cho nghề nghiệp sau này. Đây là hai phong cách học nên được khuyến khích. Sinh viên học để vượt qua các kì thi thường học thuộc lòng, học từ chương; kế hoạch học tập phụ thuộc vào chương trình, bài giảng, hướng dẫn của thầy, cô (không tự lập kế hoạch học tập cho bản thân, chỉ học theo những gì thầy cô dạy); theo các sinh viên này, học là quá trình thu nhận kiến thức từ thầy cô và học để có bằng cấp. Sau cùng, sinh viên học không có định hướng thường gặp khó khăn khi xử lí một khối lượng lớn thông tin, không phân biệt được những gì cần học hay không cần học, không có kế hoạch học tập cho bản thân. Sinh viên này thường không rõ mục tiêu mình học để làm gì và cần thầy, cô, bạn bè hỗ trợ trong quá trình học và định hướng nghề nghiệp.

Trong nhiều năm qua, Đại học Y Dược TPHCM đã có nhiều cố gắng để cải thiện phương pháp dạy học. Nhà trường tổ chức thường xuyên các khoá đào tạo giảng viên về phương pháp dạy học cơ bản và nâng cao, phương pháp lượng giá sinh viên và giảng viên,



đánh giá nội dung chương trình đào tạo, tổ chức các lớp tập huấn phương pháp học tập tích cực cho sinh viên, và nhận được sự hưởng ứng rất nhiệt tình của sinh viên^[6]. Nhà trường đã tiến hành các nghiên cứu về phương pháp dạy học, lượng giá sinh viên, quản lí đào tạo nhưng chưa có nghiên cứu về phong cách học tập của sinh viên y khoa. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu phong cách học tập của sinh viên y khoa Đại học Y Dược TPHCM, sự khác biệt phong cách học tập của sinh viên theo các năm học và xếp loại kết quả học tập, so sánh phong cách học tập của sinh viên Việt Nam và sinh viên các nước, và rút ra những lợi ích thực tiễn trong đổi mới phương pháp dạy học.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu này là các sinh viên y khoa từ năm nhất đến năm thứ sáu. Trong mỗi năm học, chọn ngẫu nhiên 14 tổ (khoảng 140 sinh viên). Tổng cộng có 856 sinh viên được chọn tham gia nghiên cứu. Công cụ nghiên cứu được sử dụng là bộ câu hỏi 100 câu về phong cách học tập của sinh viên đại học do Vermunt biên soạn năm 1994^[11]. Bộ câu hỏi gồm 2 phần chính. Phần A gồm 50 câu hỏi đề cập đến các hoạt động học tập của sinh viên; phần B gồm 50 câu hỏi về định hướng học tập và quan niệm học tập. Bộ câu hỏi này đã được dịch sang tiếng Việt và nghiên cứu thử trên 20 sinh viên trước khi sử dụng với số đông. Phần nghiên cứu chính được tiến hành trong học kì 2 năm học 2004-2005. Sinh viên trả lời bộ câu hỏi sau giờ học lí thuyết hoặc học kĩ năng tại skillslab. Sinh viên ghi xếp loại kết quả học tập của năm học trước vào phiếu trả lời. Các dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 11.5: Tính hệ số Cronbach alpha, phân tích yếu tố, phân tích tương quan hồi quy, và phân tích One-way ANOVA, sử dụng phép kiểm Turkey.

Kết quả nghiên cứu

Tỉ lệ sinh viên trả lời bộ câu hỏi đạt 91.35%. Kết quả phân tích cho thấy hệ số tin cậy của bộ câu hỏi khá cao, dao động trong khoảng từ 0.5 đến 0.81. Một số câu hỏi có độ tin cậy không cao chủ yếu do vấn đề dịch thuật; và có một số câu, phần câu hỏi và trả lời không thực sự khớp nhau nên khó lựa chọn câu trả lời phù hợp với bản thân sinh viên.

Kết quả nghiên cứu cho thấy 24% sinh viên có phong cách học để hiểu ý nghĩa (học sâu), 9% học để ứng dụng, 6% học để vượt qua các kì thi (học nông), 14% học không định hướng, 47%

không điển hình. Nói chung, tỉ lệ và đặc trưng từng phong cách học tập của sinh viên y trong nghiên cứu này khá giống với sinh viên Hà Lan trong nghiên cứu gốc của Vermunt (1998)^[13]. Tuy nhiên, phong cách học để hiểu ý nghĩa của sinh viên y Việt Nam có điểm khác với sinh viên Hà Lan. Sinh viên Việt Nam dù có phong cách học để hiểu ý nghĩa nhưng vẫn học thuộc lòng, học từ chương. Kết quả này cũng giống với nghiên cứu trên sinh viên Trung Quốc, Indonesia^[1], và Thổ Nhĩ Kỳ^[5]. Tác giả Biggs & Moore (1996), Helmke & Tuyét (1999) lí giải rằng sinh viên Việt Nam thường học thuộc lòng và ôn bài nhằm mục đích để hiểu được ý nghĩa của vấn đề. Thêm vào đó các tác giả Marton, Watkins & Tang (1997) cũng nhận thấy ở sinh viên châu Á, học thuộc lòng và hiểu ý nghĩa có quan hệ mật thiết với nhau, cái này có thể hỗ trợ cái kia^[15].

Tự lập kế hoạch học tập có tương quan dương với quá trình nhận thức sâu và cụ thể hóa lí thuyết thành thực tiễn ($p < 0.05$), với ứng dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế và xây dựng kiến thức cho bản thân ($p < 0.01$). Vermunt (1998)^[13] cho rằng tự lập kế hoạch học tập có vai trò rất quan trọng, là "điều phối viên" cho các hoạt động khác trong quá trình học của sinh viên. Cho nên cần khuyến khích sinh viên lập kế hoạch học tập cho bản thân. Sự hướng dẫn của thầy, cô cũng có tương quan dương với quá trình nhận thức sâu, cụ thể hóa lí thuyết thành thực tiễn, xây dựng kiến thức và định hướng học để có nghề nghiệp ($p < 0.05$). Điều này cho thấy sinh viên y Việt Nam còn phụ thuộc nhiều vào người thầy. So với sinh viên Hà Lan, sinh viên Việt Nam còn thụ động trong học tập. Sinh viên mong đợi thầy, cô giúp họ học tập, xây dựng kiến thức và hỗ trợ trong định hướng nghề nghiệp.

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.05$) chủ yếu giữa 2 nhóm sinh viên Y1, Y2 so với Y5, Y6. Trong đó, quá trình nhận thức sâu, cụ thể hóa lí thuyết thành thực tiễn, tự lập kế hoạch học tập, ứng dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế có tỉ lệ cao ở các năm cuối. Kết quả này giống với nghiên cứu trên sinh viên Hà Lan của Vermetten (1999)^[14]. Đây là xu hướng tốt. Tuy nhiên, học từ chương, định hướng học để có bằng cấp, quan niệm học là quá trình thu nhận kiến thức từ thầy cô cao hơn so với sinh viên Hà Lan^[13] và Thổ Nhĩ Kỳ^[5]. Điều này có thể do chương trình học của năm cuối yêu cầu sinh viên phải học nhiều hơn, và thi nhiều hơn, đặc biệt là phương pháp lượng giá chủ yếu yêu

câu nhớ lại những kiến thức đã truyền đạt trong lớp hơn là đòi hỏi hiểu biết sâu vấn đề. Do vậy, vô tình thúc đẩy sinh viên chấp nhận cách học thuộc lòng để vượt qua các kì thi đang đến. Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm kết quả học tập ở quá trình nhận thức sâu ($p < 0.01$), tự lập kế hoạch học tập, ứng dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, xây dựng kiến thức, và định hướng học để có bằng cấp ($p < 0.05$). Sinh viên xếp loại học tập tốt có những hoạt động học tập có chất lượng hơn như quá trình nhận thức sâu, tự lập kế hoạch học tập, ứng dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, xây dựng kiến thức và ít định hướng học để có bằng cấp hơn. Kết quả này giống với nghiên cứu trên sinh viên Hà Lan^[2], [12,13], và sinh viên Anh^[1].

Kết luận

Đặc trưng phong cách học tập của sinh viên y Đại học Y Dược TP.HCM tương đối giống với các sinh viên châu Á (Trung Quốc, Indonesia, Thổ Nhĩ Kỳ), nhưng có một số khác biệt so với sinh viên châu Âu (Hà Lan, Anh). So với sinh viên châu Âu, sinh viên y Việt Nam có tỉ lệ học từ chương cao, còn thụ động trong học tập, và có nhu cầu cần thầy, cô hỗ trợ nhiều trong quá trình học tập và định hướng nghề nghiệp. Đặc biệt là, ở những năm cuối học từ chương, định hướng học để có bằng cấp, quan niệm học là quá trình thu nhận kiến thức từ thầy, cô chiếm tỉ trọng cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên xếp loại học tập tốt có những hoạt động học tập có chất lượng hơn như quá trình nhận thức sâu, tự lập kế hoạch học tập, ứng dụng các kiến thức đã học vào các tình huống thực tế, xây dựng kiến thức và ít định hướng học để có bằng cấp hơn.

Do đó, đối với nhà trường, để khuyến khích sinh viên có phong cách học tập tốt (học để hiểu ý nghĩa và học để ứng dụng) cần xem xét giảm tải và phân bố chương trình phù hợp, thường xuyên tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy cho các giảng viên. Ngoài ra cần tổ chức các lớp học trang bị cho sinh viên phương pháp học hiệu quả và tạo một môi trường học tập thuận lợi. Đối với các giảng viên, cần áp dụng phương pháp dạy và lượng giá đa dạng để khuyến khích sinh viên tích cực hơn, chuyển dần trách nhiệm học sang cho sinh viên. Riêng bản thân sinh viên cần học tập chủ động hơn, rèn luyện kĩ năng tự học, tự lập kế hoạch học tập, tự định hướng trong học tập để có thể theo kịp và sánh vai cùng các sinh viên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajiuksmo, C. R. P., & Vermunt, J. D. (1999). *Learning styles and self-regulation of learning at University: An Indonesian study*. Asia Pacific Journal of Education, 19(2), 45-59.
2. Boyle, E. A., Duffy, T., & Dunleavy, K. (2003). *Learning styles and academic outcome: The validity and utility of Vermunt's Inventory of Learning Styles in a British higher education setting*. British Journal of Educational Psychology, 73, 267-290.
3. Busato, V. V., Prins, F. J., Elshout, J. J., & Hamaker, C. (1998). *Learning styles: a cross-sectional and longitudinal study in higher education*. British Journal of Educational Psychology, 68(427-441).
4. Curry, L. (1999). *Cognitive and learning styles in medical education*. Academic medicine, 74(4), 409-413.
5. Kalaca, S. (2004). *Learning styles of medical students at Marmara medical school*. Maastricht University.
6. Trương Đình (2003). Xây dựng Trung tâm Giáo dục Y học, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.
7. Newble, D. I., & Entwistle, N. J. (1986). *Learning styles and approaches: implications for medical education*. Medical Education, 20, 162-175.
8. Paul, S., Bojanczyk, M., & Lanphear, J. H. (1994). *Learning preferences of medical students*. Medical Education, 28, 180-186.
9. Tullos, R. (2000). *Vocational Preparatory Instruction: Staff Self-Training Program, Learning Styles Module*. Brevard Public School, p 1-27.
10. Nguyễn Văn Tuấn (2005). *Giáo dục Đại học: Khuyến khích và duy trì lòng say mê học tập*. Báo Sài Gòn Giải Phóng, trang 3.
11. Vermunt, J. D. (1994). *Inventory of Learning Styles in higher education: scoring key*. Tilburg University, Department of Educational Psychology.
12. Vermunt, J. D. (1996). *Metacognitive, cognitive and affective aspects of learning styles and strategies: A phenomenographic analysis*. Higher Education, 31, 25-50.
13. Vermunt, J. D. (1998). *The regulation of constructive learning processes*. British Journal of Educational Psychology, 68, 149-171.
14. Vermunt, J. D., & Vermetten, Y. J. (2004). *Patterns in students learning: Relationships between learning strategies, conceptions of learning, and learning orientations*. Educational Psychology Review, 16(4), 359-384.
15. Wong, J. K.-K. (2004). *Are the Learning Styles of Asian International Students Culturally or Contextually Based?* International Education Journal, 4(4), 154-166

SUMMARY

Using the Vermunt's tools for assessment of students' learning styles the authors have studied the learning styles by students of Ho Chi Minh City School of Medicine who are in the 1st to 6th years of study. Compared to European peers Vietnamese students are more learning by heart and need more support from the lecturers in the study and career orientation.